

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 12358:2018
ASEAN STAN 39:2014**

ME NGỌT QUẢ TƯƠI

Sweet tamarind

HÀ NỘI – 2018

Lời nói đầu

TCVN 12358:2018 hoàn toàn tương đương với ASEAN STAN 39:2014;

TCVN 12358:2018 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F10 Rau quả và sản phẩm rau quả biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Me ngọt quả tươi

Sweet tamarind

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các giống me ngọt thương phẩm thuộc loài *Tamarindus indica* L., họ *Caesalpiniaceae*, được tiêu thụ dưới dạng quả tươi.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho me ngọt quả tươi dùng trong chế biến công nghiệp.

2 Yêu cầu về chất lượng

2.1 Yêu cầu tối thiểu

Trong tất cả các hạng, tùy theo yêu cầu cụ thể cho từng hạng và dung sai cho phép, me ngọt quả tươi phải:

- nguyên vẹn, có cuống không dài hơn 0,5 cm;
- tươi;
- đặc trưng cho giống;
- sạch, hầu như không có bất kỳ tạp chất lạ nào nhìn thấy được bằng mắt thường;
- lành lặn, không bị dập nát hoặc hư hỏng đến mức không phù hợp cho sử dụng;
- hầu như không bị hư hỏng cơ học và/hoặc sinh lý học cũng như do nhiệt độ thấp và/hoặc nhiệt độ cao;
- hầu như không chứa sinh vật gây hại ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài của sản phẩm;
- không bị ẩm bất thường ngoài vỏ, trừ khi bị ngưng tụ nước do vừa đưa ra khỏi môi trường bảo quản lạnh;
- không có bất kỳ mùi và/hoặc vị lạ nào;

TCVN 12358:2018

2.1.1 Me ngọt quả tươi phải được thu hoạch khi đạt độ chín thích hợp, phù hợp với tiêu chí của giống, mùa vụ, vùng trồng và phải có độ axit chuẩn độ (TA) tối đa bằng 4 %.

Độ chín và tình trạng của me ngọt quả tươi phải:

- chịu được vận chuyển và bốc dỡ; và
- đến nơi tiêu thụ với trạng thái tốt.

2.2 Phân hạng

Me ngọt quả tươi được phân thành ba hạng như sau:

2.2.1 Hạng “đặc biệt”

Me ngọt quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng cao nhất, không có các khuyết tật miễn là không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì.

2.2.2 Hạng I

Me ngọt quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng tốt. Tuy nhiên cho phép có các khuyết tật sau miễn là không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì:

- tương đối không đồng đều về hình dạng;
- hơi khác nhau về màu sắc thông thường;
- khuyết tật nhẹ trên vỏ quả. Tổng diện tích bị khuyết tật không vượt quá 5 % tổng diện tích bề mặt.

2.2.3 Hạng II

Me ngọt quả tươi thuộc hạng này không đáp ứng được các yêu cầu trong các hạng cao hơn, nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu quy định trong 2.1. Có thể cho phép me ngọt quả tươi có các khuyết tật sau miễn là vẫn đảm bảo được các đặc tính cơ bản về chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày của sản phẩm:

- ít đồng đều về hình dạng;
- hơi khác nhau về màu sắc thông thường;
- khuyết tật trên vỏ quả. Tổng diện tích bị khuyết tật không vượt quá 10 % tổng diện tích bề mặt.

3 Yêu cầu về kích cỡ

Kích cỡ được xác định theo số lượng hạt trên quả hoặc chiều dài của từng quả, phù hợp với Bảng 1 sau:

Bảng 1 – Phân loại kích cỡ theo số lượng hạt trên quả hoặc chiều dài của từng quả

Mã kích cỡ	Số lượng hạt trên quả	Chiều dài ^{a)} , cm
1	lớn hơn 6	lớn hơn 10,0
2	từ 4 đến 6	lớn hơn 7 đến 10
3	từ 1 đến 3	từ 5 đến 7
^{a)} Chỉ sử dụng đối với quả thẳng		

4 Yêu cầu về dung sai

Cho phép dung sai về chất lượng và kích cỡ quả trong mỗi bao gói sản phẩm (hoặc mỗi lô hàng sản phẩm ở dạng rời) không đáp ứng các yêu cầu của mỗi hạng quy định.

4.1 Dung sai về chất lượng

4.1.1 Hạng “đặc biệt”

Cho phép 5 % số lượng hoặc khối lượng me ngọt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng “đặc biệt”, nhưng phải đạt chất lượng hạng I hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.2 Hạng I

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng me ngọt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng I, nhưng phải đạt chất lượng hạng II hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.3 Hạng II

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng me ngọt quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng II cũng như các yêu cầu tối thiểu, trừ sản phẩm bị thối hoặc hư hỏng bất kỳ khác dẫn đến không thích hợp cho việc sử dụng.

4.2 Dung sai về kích cỡ

Đối với tất cả các hạng, cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng từng quả tương ứng với cỡ trên và/hoặc cỡ dưới liền kề chỉ rõ trên bao gói.

5 Yêu cầu về cách trình bày sản phẩm

5.1 Độ đồng đều

Lượng me ngọt quả tươi chứa trong mỗi bao gói (hoặc lô sản phẩm để rời) phải đồng đều và chỉ gồm các quả có cùng giống, xuất xứ và/hoặc hạng thương mại, chất lượng và kích cỡ. Phần quan sát được của sản phẩm có trong bao gói (hoặc trong lô sản phẩm để rời) phải đại diện cho toàn bộ bao gói.

5.2 Bao gói

Me ngọt quả tươi phải được bao gói để bảo vệ sản phẩm một cách thích hợp. Vật liệu được sử dụng bên trong bao gói phải sạch và có chất lượng tốt để tránh được mọi nguy cơ hư hại bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Cho phép sử dụng vật liệu giấy hoặc tem liên quan đến các yêu cầu thương mại miễn là việc in nhãn hoặc dán nhãn phải sử dụng mực in hoặc keo dán không độc.

Me ngọt quả tươi cần được đóng gói trong mỗi bao bì phù hợp với TCVN 9770 (CAC/RCP 44) *Quy phạm thực hành bao gói và vận chuyển rau, quả tươi*.

5.2.1 Quy định về bao bì

Bao bì phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh, thông thoáng và bền, thích hợp cho việc bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản me ngọt quả tươi. Bao bì (hoặc lô sản phẩm để rời) không được có tạp chất và mùi lạ.

6 Dán nhãn hoặc ghi nhãn

6.1 Bao gói bán lẻ

Ngoài các yêu cầu của TCVN 7087 (CODEX STAN 1) *Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn*, cần áp dụng các yêu cầu cụ thể như sau:

6.1.1 Tên sản phẩm

Mỗi bao gói phải được dán nhãn ghi rõ tên của sản phẩm và có thể ghi tên giống và/hoặc hạng thương mại trên nhãn.

6.2 Bao gói sản phẩm không dùng để bán lẻ

Mỗi bao gói sản phẩm phải bao gồm các yêu cầu dưới đây: các chữ phải được tập trung về một phía, dễ đọc, không tẩy xóa được và có thể nhìn thấy từ bên ngoài hoặc phải có tài liệu kèm theo lô hàng. Đối với sản phẩm được vận chuyển với khối lượng lớn thì phải được ghi rõ trong tài liệu kèm theo lô hàng.

6.2.1 Dấu hiệu nhận biết

Tên và địa chỉ nhà xuất khẩu, nhà đóng gói và/hoặc người gửi hàng. Mã nhận biết (tùy chọn).

6.2.2 Tên sản phẩm

Tên của sản phẩm, giống và/hoặc hạng thương mại.

6.2.3 Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm

Nước xuất xứ (tùy chọn) và vùng trồng hoặc tên quốc gia, khu vực hoặc địa phương.

6.2.4 Nhận biết về thương mại

- tên sản phẩm;
- tên giống (tùy chọn);
- hạng sản phẩm;
- kích cỡ;
- số lượng quả (tùy chọn);
- khối lượng tịnh (tùy chọn).

6.2.5 Dấu kiểm tra (tùy chọn).

7 Chất nhiễm bẩn

7.1 Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ mức giới hạn tối đa cho phép về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định hiện hành.

7.2 Chất nhiễm bẩn khác

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ giới hạn tối đa cho phép về kim loại nặng theo quy định hiện hành.

8 Vệ sinh

8.1 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này cần được sơ chế và xử lý theo các quy định tương ứng của TCVN 5603 (CAC/RCP 1) *Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm* và các tiêu chuẩn khác có liên quan như quy phạm thực hành, quy phạm thực hành vệ sinh.

8.2 Sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chí vi sinh được thiết lập theo TCVN 9632 (CAC/GL 21) *Nguyên tắc thiết lập và áp dụng các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm*.

9 Phương pháp phân tích và lấy mẫu

Phương pháp phân tích và lấy mẫu được sử dụng để đánh giá các yêu cầu của tiêu chuẩn này theo CODEX STAN 234 *Recommended methods of analysis and sampling* (Các phương pháp khuyến cáo về phân tích và lấy mẫu).

Phụ lục A
(Tham khảo)

Tên gọi của me ngọt quả tươi trong khối ASEAN

Quốc gia	Tên gọi
Brunei	Asam Jawa
Campuchia	Ampil Phaem
Indonesia	Asam Jawa
Lào	Mak Kham Wan
Malaysia	Asam Jawa
Myanmar	
Phillipin	Sampalok
Thái Lan	Ma Kham Waan
Việt Nam	Me ngọt

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] ASEAN Harmonized MRLs for Pesticides
 - [2] Philippine National Standard (PNS) for Tamarind
 - [3] Thai Agricultural Standard for Sweet tamarind (TAS 23-20XX)
 - [4] Malaysian Standard 1236 : 1991 Specification for Tamarind Pulp (ICS : 67.220.10)
-